TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-03-2023
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Liễu Trung Nàn

Ông Phùng Văn Thời

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 Về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mạc Thị S, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Văn Đ, sinh năm 1974. Trú tại: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022, bản tự khai ngày 03/01/2023 bà Mạc Thị S trình bày: Bà và ông Triệu Văn Đ tổ chức lễ cưới từ năm 1993, trước khi tổ chức lễ cưới không quen biết, không được tìm hiểu, do bố mẹ tổ chức lễ cưới cho nên không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có tình cảm, ông Triệu Văn Đ thường xuyên uống rượu say, chửi mắng vợ con và đập phá đồ đạc, được anh em họ hàng khuyên bảo nhưng ông Triệu Văn Đ không thay đổi. Do tình cảm vợ chồng không được hoà thuận, mặc dù đã được chính quyền địa phương vận động đi đăng ký kết hôn nhưng ông bà không đi đăng ký. Năm 2005 đi xuất khẩu lao động, năm 2012 về địa phương vợ chồng vẫn không thể hoà thuận được nên đã sống ly thân đến nay, dịp lễ tết bà về lo việc gia đình

nhưng phải thường xuyên tránh mặt đi nơi khác do ông Triệu Văn Đ thường xuyên kiếm cớ, gây sự. Bà đi làm kiếm tiền về lo cho gia đình nhưng ông Triệu Văn Đ không coi trọng mà còn đuổi đánh mỗi khi bà về nhà. Do vậy bà xác định không thể chung sống lâu dài được, yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Triệu Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Triệu Ngọc C, sinh ngày 29/10/1995, đã xây dựng gia đình hiện nay ở với ông Triệu Văn Đ và Triệu Thuý N, sinh ngày 06/5/1998, đã đi lấy chồng tại B, thôn N, xã G, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Do 02 con đã trưởng thành, khoẻ mạnh, không khuyết tật, có gia đình riêng, nên khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung số vợ chồng không tạo lập được tài sản gì. Về đất đai là của bố, mẹ chồng để lại do vậy khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung và cho vay chung: Không có.

Bị đơn ông Triệu Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023 trình bày: Ông và bà Mạc Thị S tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu diễn ra bình thường, không có mâu thuẫn. Năm 2005 bà Mạc Thị S đi xuất khẩu lao động, năm 2012 về Việt Nam và đi làm Công ty tại tỉnh Hải Dương cho đến nay không thường xuyên về nhà. Vợ chồng đã sống ly thân, do vậy bà Mạc Thị S xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông Triệu Văn Đ thống nhất với nội dung trình bày của bà Mạc Thị S về con chung. Do các con đã trưởng thành nên khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, vay nợ chung và cho vay chung: Ông Triệu Văn Đ thống nhất với nội dung trình bày của bà Mạc Thị S, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thuý N và anh Triệu Ngọc C là con chung của bà Mạc Thị S và ông Triệu Văn Đ trình bày tại đơn ngày 04/01/2023, nay đã trưởng thành, có sức khoẻ, có gia đình riêng, tự lo cho bản thân nên khi bố, mẹ ly hôn chị Triệu Thuý N và anh Triệu Ngọc C không có yêu cầu gì.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. do các đương sự không có đăng ký kết hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và con chung, nên Toà án không tiến hành hoà giải.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tiến hành tố tụng thu thập tài liệu chứng cứ và tống đạt các văn bản, quyết định đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định, thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý và đã được Toà án giải thích nhưng không yêu cầu. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9;

khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa bà Mạc Thị S và ông Triệu Văn Đăng là vợ chồng. Về con chung, Về nợ chung và tài sản chung: không xem xét do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Bà Mạc Thị S là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, nhưng không có đơn xin miễn án phí, tại phiên toà bà tự nguyện sung ngân sách Nhà nước, do vậy căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**,** bà Mạc Thị S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mạc Thị S và ông Triệu Văn Đ có tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 có đủ điều kiện kết hôn nhưng do không hiểu biết pháp luật nên đến nay ông, bà không đi đăng ký kết hôn. Tại văn bản số 1075/CV-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V xác nhận bà Mạc Thị S và ông Triệu Văn Đ không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử thấy, do cuộc hôn nhân của ông, bà không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận bà Mạc Thị S và ông Triệu Văn Đ là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Triệu Ngọc C, sinh ngày 29/10/1995 và Triệu Thuý N, sinh ngày 06/5/1998 đã trưởng thành, có gia đình riêng, các đương sự không yêu cầu giải quyết do vậy hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Bà Mạc Thị S là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, không xin miễn án phí, do vậy phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 264; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Mạc Thị S và ông Triệu Văn Đ là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Mạc Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Mạc Thị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0006110 ngày 23/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy địnhc ủa pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn
- CCTHADS H. V, T. Lạng Sơn.
- UBND xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Mỹ Phước